**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512 /BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS An Phú**  **TỔ:** Công nghệ - Tin học. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA NHÓM CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CÔNG NGHỆ**

(Năm học 2021 - 2022)

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông;

Căn cứ Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Căn cứ Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ công văn số 2379 /SGDĐT-GDTrH của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngáy 31 tháng 8 năm học 2021 về hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học đầu năm học 2021 – 2022;

Căn cứ công văn số 2380 /SGDĐT-GDTrH của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh ngáy 31 tháng 8 năm học 2021 về hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2021-2022,

Căn cứ Công văn số 4040/BGDĐT- GDTrH ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp Trung học cơ sở môn công nghệ thay thế CV3280/BGDĐT-GDTrH.

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục năm học 2021-2022 của trường THCS An Phú.

Căn cứ vào kế hoạch giáo dục năm học của Tổ Công Nghệ - Tin Học,

Nay nhóm giáo viên công nghệ xây dựng kế hoạch môn học công nghệ năm học 2021-2022 cụ thể như sau:

**I. Đặc điểm tình hình:**

**1. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Ban giám hiệu nhà trường.

- Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và vượt chuẩn, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý học sinh.

- Được BGH tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tự học tập nâng cao trình độ; nhất là chương trình bồi dưỡng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, bồi dưỡng sách giáo khoa lớp 6; dạy học lớp 9 theo Chương trình GDPT 2018.

- Đa số giáo viên trong tổ được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn hè, tập huấn soạn kế hoạch dạy học lớp 9 theo Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020.

- Tất cả giáo viên đều có kĩ năng vận dụng công nghệ vào trong giảng dạy đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay. Đặc biệt giáo viên trẻ năng động, sáng tạo trong giảng dạy.

- Tinh thần quyết tâm thực hiện tốt chỉ đạo của cấp trên. Luôn tìm những vướng mắc để tháo gỡ và vượt qua các trở ngại của sự đổi mới.

**2. Khó khăn:**

- Trong tình hình bối cảnh dịch Covid – 19 đồng thời cũng là giai đoạn cải cách chương trình lớp 6 nên khó áp dụng các phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực phẩm chất vào dạy học trực tuyến.

**-** Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học trực tuyến còn thiếu.

- Việc dạy học trực tuyến của giáo viên trên các phần mềm còn lúng túng ở phần kiểm tra đánh giá học sinh theo năng lực và phẩm chất.

- Vấn đề sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học còn hạn chế do yếu tố thời gian, ảnh hưởng lớn đến vấn để đổi mới phương pháp dạy học đi đôi với đổi mới soạn kế hoạch bài dạy, ra ma trận đề kiểm tra, dạy học tích hợp, dạy học theo chủ đề...

- Học sinh còn xem nhẹ bộ môn do tâm lý không phải bộ môn thi tuyển sinh nên chưa có sự tập trung tìm hiểu kiến thức bộ môn, gây khó khăn trong vấn đề bồi dưỡng học sinh giỏi, hoặc thành lập câu lạc bộ.

- Tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến tâm lí, sức khỏe của giáo viên và học sinh; bên cạnh đó việc dạy học trực tuyến cũng yêu cầu học sinh cũng phải trang bị máy tính hay điện thoại thông minh để tham gia lớp học, nhưng do hoàn cảnh gia đình của mỗi học sinh là khác nhau nên sẽ có một số em không có thiết bị để tham gia học tập, hơn nữa, việc tiếp cận sách giáo khoa bản giấy gặp nhiều khó khăn nên học sinh và giáo viên chủ yếu tiếp xúc qua giáo án điện tử ở phần mềm dạy học trực tuyến Zoom, google meet, Zalo lớp.

**3. Số lớp:**

Số lớp:06.; Số học sinh: 205.; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):Không

Số lớp: 09.; Số học sinh: 313; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):Không

Số lớp: 08; Số học sinh:305; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):Không

Số lớp: 07.; Số học sinh:256 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):Không

Tổng trường:

Số lớp: 30 ; Số học sinh: 1079 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn (nếu có):Không

**4. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 03 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 Đại học: 03 Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-0):** Tốt:03 ; Khá: 0 ; Đạt:.0; Chưa đạt:0

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Trình độ** | **Chức vụ** | **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên** |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Bình | 1967 | Đại học | Tổ trưởng chuyên môn | Tốt |
| 2 | Đỗ thị Kim Oanh | 1979 | Đại học | Giáo viên | Tốt |
| 3 | Trang Thị Ngọc Ánh | 1977 | Đại học | Giáo viên | Tốt |

**5.Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| **Môn công nghệ 6** | | | | |
| 1 | Hình ảnh các loại nhà ở, kiến trúc, các thiết bị điện trong nhà. | 1 bộ | Dự án: Ngôi nhà của em  Xây dựng được ý tưởng và thực hiện sản phẩm mô hình theo ý tưởng ngôi nhà với đầy đủ thiết bị thiết yếu. |  |
| 2 | Một số loại thực phẩm chế biến | 1 bộ | Dự án: Món ăn cho bữa cơm gia đình  - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.  - Xây dựng bữa ăn hợp lí và chế biến được món ăn không sử dụng nhiệt |  |
| **Môn công nghệ 7** | | | | |
| 1 | 4 cốc thủy tinh, đũa khuấy, 4 mẫu phân bón | 1 bộ | Nhận biết các loại phân hóa học |  |
| 2 | Một số loại thuốc trừ sâu.  Nhãn hiệu của thuốc trừ sâu về độ độc của thuốc. | 1 bộ | Nhận biết một số loại thuốc và nhãn hiệu của thuốc trừ sâu, bệnh hại |  |
| **Môn công nghê 8** | | | | |
| 1 | Bộ dụng cụ vẽ kĩ thuật | 1 | Vẽ hình chiếu, đọc bảng vẽ |  |
| 2 | Công tơ điện | 1 | Tính toán tiêu thụ điện năng cho đồ dùng điện |  |
| 3 | Các mạch đèn | 3 | Các mạch đèn: 2 công tắc 2 cực, 2 công tắc 3 cực, … |  |
|  | **Môn công nghệ 9** |  |  |  |
| 1 | Bộ dụng cụ điện | 5 | Các mạch đèn: 2 công tắc 2 cực, 2 công tắc 3 cực, … |  |
| 2 | Công tơ điện | 1 | Tính toán tiêu thụ điện năng cho đồ dùng điện |  |

**6. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |  |  |
| 1 | Phòng công nghệ |  | Nhận biết và cách sử dụng các loại đồ dùng điện trong nhà. |  |  |  |
| 2 | Vườn thực vật | 1 | Qui trình làm đất. Nhận biết các loại sâu, bệnh hại cây trồng. |  |  |  |
| 3 | Phòng công nghệ thực hành | 1 | Tính toán được điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện trong gia đình  Tháo, lắp các mạch đèn |  |  |  |
| 4 | Phòng công nghệ thực hành | 1 | Tính toán được điện năng tiêu thụ của đồ dùng điện trong gia đình  Quan sát mẫu vật vẽ hình chiếu, vẽ hình học |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-1)**

**1. Phân phối chương trình**

**Môn Công nghệ 6**

**Cả năm: 35 Tiết**

**Trong đó: Học kỳ 1: 18 tuần (18 tiết), Học kỳ 2: 17 tuần (17 tiết)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học**  **(1)** | **Tiết** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | Bài 1: Nhà ở đối với con người | 1 | 2T | - Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; nhận biết và kể một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  - Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |
| 2 | Bài 1: Nhà ở đối với con người | 2 |
| 3 | Bài 2: Sử dụng năng lượng trong gia đình | 3 | 2T | - Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà  - Nêu và thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |
| 4 | Bài 2: Sử dụng năng lượng trong gia đình | 4 |
| 5 | Bài 3: Ngôi nhà thông minh | 5 | 1T | - Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh  - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. |
| 6 | Dự án: Ngôi nhà của em | 6 | 1T | - Xây dựng được ý tưởng và thực hiện sản phẩm mô hình theo ý tưởng ngôi nhà với đầy đủ thiết bị thiết yếu. |
| 7 | Ôn tập | 7 | 1T |  |
| 8 | **Kiểm tra đánh giá giữa kì** | 8 | 1T |  |
| 9 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | 9 | 3T | - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, giá trị dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người.  - Hình thành thói quen ăn, uống khoa học |
| 10 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | 10 |
| 11 | Bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng | 11 |
| 12 | Bài 5: Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình | 12 | 3T | - Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.  - Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.  - Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.  - Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. |
| 13 | Bài 5: Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình | 13 |  |  |
| 14 | Bài 5: Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình | 14 |  |  |
| 15 | Dự án: Món ăn cho bữa cơm gia đình | 15 | 1T | - Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.  - Xây dựng bữa ăn hợp lí và chế biến được món ăn không sử dụng nhiệt |
| 16 | Ôn tập | 16 | 1T |  |
| 17,18 | **Kiểm tra cuối HKI** | 17,18 | 1T | - Củng cố kiến thức  - Đánh giá kết quả học tập của HS.  - Làm cho HS chú ý nhiều hơn đến việc học của mình. |
| 19 | Bài 6: Các loại vải thường dùng trong may mặc | 19 | 1T | - Nhận biết các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.  - Nhận biết một số ưu, nhược điểm của một số loại vải thông dụng. |
| 20 | Bài 7: Trang Phục | 20 | 3T | - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.  - Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.  - Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. |
| 21, 22 | **NGHỈ TẾT** |  |  |  |
| 23 | Bài 7: Trang Phục | 21 |  |  |
| 24 | Bài 7: Trang Phục | 22 |  |  |
| 25 | Bài 8: Thời trang |  | 2T | - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.  - Lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. |
| 26 | Bài 8: Thời trang | 23 |  |  |
| 27 | Dự án: Em làm nhà thiết kế thời trang | 24 | 1T | - Xây dựng được ý tưởng thiết kế trang phục phù hợp với học sinh và điều kiện trường học |
| 28 | Ôn tập | 25 | 1T | - Đánh giá kết quả học tập của HS.  - Làm cho HS chú ý nhiều hơn đến việc học của mình. |
| 29 | **Kiểm tra đánh giá giữa kì** | 26 | 1T |  |
| 30 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | 27 | 5T | - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện  - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,…). |
| 31 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | 28 |
| 32 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | 29 |
| 33 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | 30 |
| 34 | Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình | 31 |
| 35 | Ôn tập  **Kiểm tra cuối HKII** | 32,33 | 2 | - Củng cố kiến thức  - Đánh giá kết quả học tập của HS.  - Làm cho HS chú ý nhiều hơn đến việc học của mình. |
| 36 | Bài 10: An toàn điện trong gia đình | 34 | 1T | - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn  - Trình bày được các biện pháp an toàn khi sử dụng điện. |
| 37 | Dự án: Tiết kiệm trong sử dụng điện | 35 | 1T | - Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.  - Kể được nguyên nhân gâu tai nạn điện  - Nhận biết được các trường hợp mất an toàn điện.  - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn |

**Môn Công nghệ 7**

**Cả năm: 52 Tiết (Trong đó: Học kỳ 1: 18 tuần (18 tiết), Học kỳ 2: 17 tuần (34 tiết)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Bài học**  **(1)** | **Tiết** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
|  | **Bài 1**: Vai trò, nhiệm vụ của trồng trọt | **1** | **1** | - Nêu tên các vai trò của trồng trọt  -Xác định được các nhiệm vụ cơ bản của trồng trọt  **-** Giải thích được các biện pháp để thực hiện các nhiệm vụ trồng trọ |
|  | **Chủ đề 1: ĐẤT TRỒNG**  **(Bài 2)** I. Khái niệm về đất trồng  II. Thành phần của đất trồng | **2** | **1** | - Nêu được khái niệm đất trồng  - Kể được vai trò của đất đối với cây trồng  -Xác định được khái niệm độ phì nhiêu của đất  - Nêu được vai trò độ phì nhiêu của đất đối với năng suất cây trồng  - Phân biệt các loại đất dựa vào thành phần cơ giới của đất  - Phân biệt được các loại đất dựa vào trị số pH  - So sánh khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng của các loại đất  **-**Từ kiến thức đã học làm rõ tính chất giữ nước và chất dinh dưỡng của đất. |
|  | **(Bài 3)** III. Một số tính chất chính của đất trồng. | **3** | **1** | -Xác định được khái niệm độ phì nhiêu của đất  - Nêu được vai trò độ phì nhiêu của đất đối với năng suất cây trồng  - Phân biệt các loại đất dựa vào thành phần cơ giới của đất  - Phân biệt được các loại đất dựa vào trị số pH  - So sánh khả năng giữ nước, chất dinh dưỡng của các loại đất  **-**Từ kiến thức đã học làm rõ tính chất giữ nước và chất dinh dưỡng của đất. |
|  | **(Bài 4)** *Xác định thành phần cơ giới của đất bằng pp đơn giản (vê tay)*  **(Bài 5)** *Xác định độ pH của đất bằng pp so màu*  ***GV có thể linh động hướng dẫn hs trồng cây bằng hệ thống thủy canh*** | **4** | **1** | Học sinh trồng cây hành bằng phương pháp thủy canh. |
|  | **(Bài 6)** IV. Biện pháp sử dụng, cải tạo và bảo vệ đất | **5** | **1** | Xác định được lý do phải sử dụng đất hợp lý  **-** Giải thích được các biện pháp cơ bản về sử dụng đất hợp lý  - Diễn giải được mục đích của việc sử dụng mỗi biện pháp sử dụng đất.  -Diễn giải được các biện pháp và mục đích của từng biện pháp phù hợp với từng loại đất được cải tạo.  -Liên hệ thực tế chỉ ra được một số loại đất chính đang sử dụng ở Việt Nam và một số loại đất cần cải tạo |
|  | **CHỦ ĐỀ 2: PHÂN BÓN**  **(Bài 7)** I. Phân bón là gì?  II. Tác dụng của phân bón. | **6** | **1** | - Nêu các cách bón phân đang được sử dụng ở nước ta nói chung, ở địa phương nói riêng  - Nêu được cách sử dụng các loại phân bón thông thường  - Trình bày được cách sử dụng phân vi sinh phù hợp với mục đích sử dụng.  - Trình bày được cách bảo quản phù hợp với mỗi dạng phân bón để giữ được chất lượng của chúng  **-** So sánh ưu nhược điểm của mỗi cách bón đang được sử dụng ở nước ta nói chung, ở địa phương nói riêng  **-** Phân biệt được bón lót và bón thúc.  - Giải thích được cơ sở của việc sử dụng các loại phân bón thông thường. |
|  | **(Bài 8)** *Thực hành: Nhận biết một số loại phân bón thông thường* | **7** | **1** | Phân biệt được các loại phân hóa học thông thường. |
|  | **(Bài 9)** III. Cách sử dụng các loại phân bón thông thường.  IV. Cách bảo quản một số loại phân bón thông thường. | **8** | **1** | -Biết cách sử dụng các loại phân bón vào từng giai đoạn sinh trưởng và phát triển của cây trồng  - Bảo quản các loại phân bón đúng kỹ thuật. |
|  | ***Kiểm tra giữa kỳ I*** | **9** | **1** | Các kiến thức từ tuần 1 đến tuần 9, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống. |
|  | **CHỦ ĐỀ 3: GIỐNG CÂY TRỒNG**  **(Bài 10)** I. Vai trò của giống cây trồng.  II. Phương pháp chọn tạo giống cây trồng. | **10** | **1** | - Nêu vai trò của giống cây trồng đối với:  + Năng suất và lấy được ví dụ minh hoạ.  + Chất lượng sản phẩm và lấy được ví dụ minh hoạ.  + Đối với tăng vụ trồng trọt và lấy được ví dụ minh hoạ.  + Đối với thay đổi cơ cấu giống và lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nêu các tiêu chí đánh giá giống tốt.  - Giải thích ý nghĩa của việc nắm vững tiêu chí đánh giá giống tốt trong sản xuất. |
|  | **(Bài 11)** III. Sản xuất giống cây trồng  IV. Bảo quản hạt giống cây trồng | **11** | **1** | - Liệt kê các phương pháp chọn, tạo giống cây trồng.  - Nêu các cách bảo quản hạt giống, mục tiêu bảo quản hạt giống, những điều kiện để bảo quản hạt giống tốt.  **-** Nêu được ví dụ về những cây trồng thường giâm cành, chiết cành, ghép mắt. |
|  | **CHỦ ĐỀ 4: BẢO VỆ THỰC VẬT**  **(Bài 12)** I. Tác hại của sâu bệnh  II. Khái niệm côn trùng và bệnh cây. | **12** | **1** | **Nhận biết:**  - Nêu những tác hại của sâu, bệnh hại gây ra cho cây trồng về năng suất, chất lượng ở các mức độ khác nhau.  **-** Phân biệt sâu bệnh gây hại qua dấu hiệu biểu hiện trên cây trồng.  **-** HS có ý thức bảo vệ côn trùng có ích, phòng trừ côn trùng gây hại, bảo vệ mùa màng, cân bằng sinh thái.  -Liên hệ thực tế: Cho ví dụ sâu hại cây trồng và côn trùng có ích. |
|  | **(Bài 13)** III. Phòng, trừ sâu bệnh hạị | **13** | **1** | - Giải thích nguyên tắc phòng, trừ sâu, bệnh hại  **-** Nghiên cứu về đặc điểm của sâu bệnh hại mà hình thành biện pháp phòng và trừ qua đó phát triển tư duy kĩ thuật. |
|  | **(Bài 14)** Thực hành: Nhận biết một số nhãn hiệu thuốc trừ sâu, bệnh hại. (I) | **14** | **1** | - Đọc, phân biệt các độ độc của thuốc trừ sâu, bệnh hại cây trồng. |
|  | **CHỦ ĐỀ 5: QUY TRÌNH CANH TÁC**  **(Bài 15)** I. Làm đất và bón phân lót. | **15** | **1** | - Nêu mục đích của việc làm đất trong trồng trọt.  - Nêu các công việc làm đất trong trồng trọt.  **-** Phân biệt các cách làm đất, yêu cầu kĩ thuật đối với cây trồng nước và cây trồng cạn.  -Mô tả được quy trình lên luống. |
|  | ***Ôn tập kiểm tra cuối kỳ*** | **16** | **1** | **Nội dung từ tuần 10 đến tuần 15** |
|  | ***Kiểm tra cuối kỳ I*** | **17** | **1** | - Trình bày nguyên tắc phòng, trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  -Phân biệt sâu, bệnh gây hại qua dấu hiệu biểu hiện trên cây trồng.  -Đề xuất biện pháp bảo vệ cây trồng, đồng thời bảo vệ môi trường sống.  -Đề xuất biện pháp bảo vệ cây trồng, đồng thời bảo vệ môi trường sống. |
|  | **(Bài 16)** II. Gieo trồng cây nông nghiệp | **18** | **1** | - Nêu khái niệm thời vụ và lấy ví dụ minh họa  - Liệt kê những căn cứ để xác định thời vụ gieo trồng.  - Nêu những yêu cầu kĩ thuật và các phương pháp gieo trồng.  -Mô tả các công việc kiểm tra và xử lí hạt giống.  - Làm rỏ được các phương pháp gieo hạt. |
|  | **(Bài 17)** *Thực hành: Xử lý hạt giống bằng nước ấm*  **(Bài 18***) Thực hành: Xác định sức nảy mầm và tỉ lệ nảy mầm của hạt giống* | **18** | **1** | - Hs xử lý hật đậu xanh để làm giá. |
|  | **(Bài 19)** III. Các biện pháp chăm sóc cây trồng | **19** | **1** | - Nêu biện pháp tỉa, dặm cây, làm cỏ, vun xới.  - Nêu vai trò của việc tưới, tiêu  **-** Mô tả các biện pháp chăm sóc cho cây trồng. |
|  | (**Bài 20**) IV. Thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản | **19** | **1** | - Nêu mục đích chung của việc bảo quản, chế biên nông sản.  - Nêu các phương pháp bảo quản, chế biến nông sản.  **-** So sánh ưu và nhược điểm của các phương pháp chế biết. |
|  | **(Bài 21**) V. Luân canh, xen canh, tăng vụ. | **20** | **1** | - Nêu các loại hình luân canh, xen canh tăng vụ.  -Nêu tác dụng của luân canh, xen canh, tăng vụ.  **-** Giải thích mục đích của luân canh, xen canh, tăng vụ. |
|  | **(Bài 30**) Vai trò, nhiệm vụ phát triển chăn nuôi. | **20** | **1** | - Xác định được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống nhân dân, đối với phát triển trồng trọt, đối với phát triển nền kinh tế của đất nước. Nêu được ví dụ minh họa  - Nêu được các nhiệm vụ cơ bản của ngành chăn nuôi ở nước ta trong giai đoạn hiện nay nhằm hướng tới tăng về khối lượng, chủng loại, nâng cao chất lượng sản phẩm, để cải thiện đời sống nhân dân và phát triển kinh tế  Cho ví dụ minh họa về sản phẩm trong chăn nuôi |
|  | **CHỦ ĐỀ 6: GIỐNG VẬT NUÔI**  (**Bài 31**) I. Khái niệm về giống vật nuôi.  II. Vai trò của giống vật nuôi. | **21** | **1** | - Nêu được khái niệm giống vật nuôi.  - Trình bày được cơ sở phân loại giống vật nuôi và trên các loại giống vật nuôi theo mỗi tiêu chuẩn phân loại.  - Nêu được những điều kiện cơ bản để được công nhận là một giống vật nuôi  - Phân biệt được đặc điểm từng cách phân loại giống vật nuô  -Phát hiện được các loại giống vật nuôi tại địa phương |
|  | (**Bài 32)** III. Sự phát triển của giống vật nuôi. | **21** | **1** | - Nêu được khái niệm sinh trưởng, phát dục, lấy được ví dụ minh hoạ.  - Nêu được ba đặc điểm quan trọng của sinh trưởng phát dục của vật nuôi.  Vận dụng kiến thức đã học giải thích đặc điểm phát triển của vật nuôi thuộc sinh trưởng hay phát dục.  Đề xuất biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi tốt ở từng gia đoạn phát triển |
|  | (**Bài 33)** IV. Một số phương pháp chọn giống vật nuôi. | **22** | **1** | - Nêu được khái niệm chọn giống vật nuôi và lấy được ví dụ minh hoạ.  - Trình bày được phương pháp chọn giống vật nuôi.  **-** Phân biệt chọn phối và chọn giống vật nuôi  - Vận dụng kiến thức để chọn phối vật nuôi phù hợp.  - Giải thích được kiểu chọn phối. |
|  | (**Bài 34)** V. Nhân giống vật nuôi. | **22** | **1** | - Nêu được khái niệm chọn phối, nhân giống thuần chủng   * Mô tả được phương pháp chọn phối cùng giống và khác giống.   **-** Đề xuất biện pháp phù hợp để chọn phối và nhân giống tại địa phương |
|  | **(Bài 35 +36)** *Thực hành: Nhận biết một số giống gà và lợn qua quan sát ngoại hình.* | **23** | **1** | Nhận biết và phân biệt một số giống vật nuôi qua ngoại hình. |
|  | Tiết HĐTN – Tìm hiểu 1 số giống vịt và giống bò hoặc một loại vật nuôi khác. | **23** | **1** |  |
|  | **CHỦ ĐỀ 7: THỨC ĂN VẬT NUÔI**  **(Bài 37)** I. Nguồn gốc của thức ăn.  II. Thành phần dinh dưỡng của thức ăn. | **24** | **1** | - Liệt kê được một số thức ăn của từng vật nuôi tương ứng.  - Xác định được nguồn gốc từng loại thức ăn của vật nuôi làm cơ sở cho việc tạo thức ăn cho vật nuôi.  - Giải thích được vì sao mỗi vật nuôi chỉ ăn được những thức ăn phù hợp với chúng. |
|  | **(Bài 38)** III. Vai trò của thức ăn đối với vật nuôi. | **24** | **1** | - Kể được vai trò của thức ăn đối với sự tồn tại, sinh trưởng và phát triển của vật nuôi, lấy được ví dụ minh họa.  - Nêu được ý nghĩa thực tiễn của việc nghiên cứu vai trò của các chất dinh dưỡng trong thức ăn. |
|  | **(Bài 39)** IV. Chế biến thức ăn  V. Dự trữ thức ăn | **25** | **1** | - Nêu được mục đích của chế biến thức ăn, dự trữ thức ăn đối với vật nuôi.  - Nêu được ví dụ thực tế về phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn.  - Phân biệt chế biến và dự trữ thức ăn vật nuôi. |
|  | **(Bài 40)** VI. Sản xuất thức ăn | **25** | **1** | - Nêu được tiêu chuẩn phân loại thức ăn vật nuôi dựa vào thành phần dinh dưỡng.  - Xác định được ý nghĩa của việc phân loại thức ăn vật nuôi theo nguồn gốc và theo thành phần dinh dưỡng.  - Trình bày được phương pháp sản xuất thức ăn giàu protêin, giàu gluxit và thức ăn thô, xanh. Lấy được ví dụ cụ thể để minh họa.  **-** Phân loại được thức ăn vừa theo nguồn gốc, vừa theo thành phần dinh dưỡng và phương pháp tạo ra thức ăn đó. |
|  | **(Bài 41)** *Thực hành: I. Chế biến thức ăn họ đậu bằng nhiệt.*  **(Bài 42)** *II. Chế biến thức ăn giàu Gluxít bằng men*  **(Bài 43)** Đánh giá chất lượng thức ăn | **26** | **1** | Học sinh hoàn thành sản phẩm chế biến thức ăn họ đậu bằng nhiệt. |
|  | Tiết HĐTN – Trộn thức ăn nuôi chim bồ | **26** | **1** | -Học sinh sinh tìm hiểu các loại thức ăn của chim bồ câu và sử dụng phương phấp chế biến để tạo nguồn thức ăn cho chim bồ câu |
|  | ***Ôn tập kiểm tra giữa kỳ II*** | **27** | **1** | Ôn nội dung từ tuần 19 đến 25,vận dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống. |
|  | ***Kiểm tra giữa kỳ II*** | **27** | **1** | - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |
|  | **Chủ đề 8: QUY TRÌNH CHĂN NUÔI**  **(Bài 44)** I. Chuồng nuôi  II. Vệ sinh trong chăn nuôi | **28** | **1** | - Nêu được vai trò của chuồng nuôi về mặt tạo môi trường sống phù hợp và quản lý vật nuôi.  - Nêu các tiêu chuẩn để làm cơ sở cho việc thiết kế, xây dựng chuồng nuôi phù hợp.  - Giải thích được các biện pháp vệ sinh phòng bệnh cho vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn chuồng nuôi và yêu cầu vệ sinh phòng bệnh |
|  | **(Bài 45)** III. Nuôi dưỡng và chăm sóc các loai vật nuôi. | **28** | **1** | - Nêu được các biện pháp nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non phù hợp với đặc điểm phát triển của cơ thể.  - Nêu mục đích của nuôi lợn đực giống và biện pháp chăm sóc, nuôi dưỡng đực giống đạt mục đích đã đề ra.  Giải thích được đặc điểm nhu cầu dinh dưỡng, các yêu cầu khác của vật nuôi cái sinh sản.  **-** Vận dụng kiến kiến thức để giải thích một số biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non. |
|  | **Chủ đề 9: PHÒNG TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI**  (**Bài 46**) I. Khái niệm về bệnh.  II. Nguyên nhân sinh ra bệnh.  III. Phòng trị bệnh cho vật nuôi. | **29** | **1** | - Trình bày được các nguyên nhân sinh bệnh ở vật nuôi (bên trong và bên ngoài).  **-** Giải thích được đặc điểm giống và khác nhau giữa bệnh truyền nhiễm và bệnh không truyền nhiễm làm cơ sở cho việc phòng và chữa bệnh cho vật nuôi.  - Giải thích được cách thực hiện của các biện pháp phòng, trị bệnh cho vật nuôi dựa vào nguyên nhân gây ra bệnh  **-** Phát hiện loại bệnh qua quan sát các đặc điểm của bệnh ở vật nuôi từ đó đưa ra biện pháp phòng trừ. |
|  | **(Bài 47)** IV. Vắc-xin phòng bệnh cho vật nuôi. | **29** | **1** | - Nêu được những điều cơ bản cần chú ý để sử dụng vắc xin có hiệu quả.  **-** Giải thích được những điều cơ bản cần chú ý để sử dụng vắc xin có hiệu quả.  -Xử lí tình huống |
|  | **(Bài 48)** *Thực hành: Nhận biết một số loại vắc xin phòng bệnh cho gia cầm và phương pháp sử dụng vắc xin Niu cat xơn phòng bệnh cho gà* | **30** | **1** | - Đọc, nhận biết tên , nêu công dụng, nêu cách sử dụng một số loại vắc xin. |
|  | ***Ôn tập phần chăn nuôi*** | **30** | **1** | Nội dung từ bài 31 đến bài 49, vận dụng kiến thức đã học xử lý các tình huống. |
|  | Bài 49: Vai trò, nhiệm vụ của nuôi thủy sản.   1. Vai trò của nuôi thủy sản 2. Nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản ở nước ta | **31** | **1** | -Liệt kê các vai trò của thủy sản  - Trình bày được các nhiệm vụ chính của nuôi thủy sản ở nước ta  -Giải thích được thực phẩm thủy sản tươi, sạch là gì |
|  | **Chủ đề 10: MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN**  (Bài 50) I. Đặc điểm của nước nuôi thủy sản.  II.Tính chất của nước nuôi thủy sản.  III.Cải tạo nước và đất đáy ao. | **31**  **32** | **1** | - Nêu được một số đặc điểm chung của nước nuôi thủy sản.  - Liệt kê được các tính chất lí học,hóa học,sinh học của nước nuôi thủy sản  - Kể tên được các sinh vật sống trong nước nuôi thủy sản  **-** Giải thích được các màu nước trong ao nuôi thủy sản  - Trình bày và giải thích được các biện pháp cải tạo nước và đất đáy ao |
|  | **Chủ đề 11: THỨC ĂN CỦA ĐỘNG VẬT THỦY SẢN.**  (**Bài 51)** I. Những loại thức ăn của tôm, cá.   1. Quan hệ về thức ăn | **32** | **1** | - Nêu được những loại thức ăn của tôm, cá  **-** Giải thích được mối quan hệ về thức ăn của tôm cá  **-** Phân biệt được thức ăn tự nhiên và thức ăn nhân tạo |
|  | **(Bài 52)** *Thực hành: Quan sát nhận biết các loại thức ăn của động vật thủy sản.* | **33** | **1** | Nhận biết một số thức ăn của động vật thủy sản. |
|  | **Chủ đề 12: QUY TRÌNH NUÔI THỦY SẢN**  **(Bài 54)** I. Chăm sóc, quản lí và phòng và trị bệnh cho động vật tôm, cá. | **33** | **1** | - Kể tên được các công việc quản lí ao nuôi tôm cá  - Kể tên được một số loại thuốc chữa bệnh cho tôm, cá  - Trình bày được các biện pháp kĩ thuật chăm sóc tôm, cá  - Xác định được thời gian cho tôm, cá ăn phù hợp theo mùa  - Đề xuất một số biện pháp cụ thể đảm bảo môi trường nước sạch, cho tôm cá ăn đủ lượng và chất |
|  | **(Bài 55)** II. Thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản | **34** | **1** | - Nêu được các phương pháp thu hoạch tôm, cá  - Trình bày được các phương pháp chế biến,bảo quản tôm cá  -Giải thích được vì sao phải bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản  - Đề xuất được biện pháp bảo quản hoặc chế biến sản phẩm thủy sản tại gia đình và địa phương |
|  | (**Bài 56**) III. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản. | **34** | **1** | - Liệt kê được các biện pháp bảo vệ môi trường thủy sản.  **-** Giải thích được tại sao phải bảo vệ môi trường thủy sản  **-** Đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản tại địa phương |
|  | ***Ôn tập thi cuối kỳ II*** | **35** | **1** | Ôn tập nôi dung từ tuần 26 đến tuần 34 |
|  | ***Thi cuối kỳ II*** |  |  | - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.  - Trình bày được vai trò của thuỷ sản; nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.  -Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thủy sản. |

**Môn công nghệ 8**

**Cả năm: 53 Tiết**

**Trong đó: Học kỳ 1: 18 tuần (36 tiết), Học kỳ 2: 17 tuần (17 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Bài 1:Vai trò của bản vẽ kĩ thuật trong sản xuất và đời sống  *Thêm phần I của bài 8. Cấu trúc bài 1 như sau:*   1. ***Khái niệm về bản vẽ kỹ thuật*** 2. ***Bản vẽ kỹ thuật đối với sản xuất*** 3. ***Bản vẽ kỹ thuật đối với đời sống***   ***Bản vẽ dùng trong các lĩnh vực kỹ thuật*** | 1 | Biết được vai trò của bản vẽ kĩ thuật đối với sản xuất va đờ sống  Có nhận thức đúng đối với việc học tập môn Vẽ kĩ thuật |
| 2 | Bài 2: Hình chiếu | 1 | Hiểu được thế nào là hình chiếu  Nhận biết được các hình chiếu của vật thể trên bản vẽ kĩ thuật |
| 3 | ***Bài 3: Thực hành: Hình chiếu của vật thể*** | 1 | Biết được sự liên quan giữa hướng chiếu và hình chiếu  Biết được cách bố trí các hình chiếu ở trên bản vẽ |
| 4 | Bài 4: Bản vẽ các khối đa diện | 1 | Nhận dạng được các khối đa diện thường gặp: hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đều, hình chop đều  Đọc được bản vẽ vật thể có dạng hình hộp chữ nhật, hình lăng trụ đều, hình chop đều. |
| 5 | ***Bài 5: Thực hành: Đọc bản vẽ các khối đa diện*** | 1 | Đọc được bản vẽ các hình chiếu của vật thể có dạng các khối đa diện  Phát huy trí tưởng tượng không gian. |
| 6 | Bài 6: Bản vẽ các khối tròn xoay | 1 | Nhận dạng được các khối tròn xoay thường gặp: hình trụ, hình nón, hình cầu  Đọc được bản vẽ vật thể có dạng hình trụ, hình nón, hình cầu |
| 7 | ***Bài 7: Thực hành: Đọc bản vẽ các khối tròn xoay*** | 1 | Đọc được bản vẽ các hình chiếu của vật thể có dạng khối tròn  Phát huy trí tưởng tượng không gian |
| 8 | Bài 8: Khái niệm về bản vẽ kỹ thuật – Hình cắt  *Dời phần I qua bài 1* | 1 | Biết được một số khái niệm về bản vẽ kĩ thuật  Biết được khái niệm và công du5nf của hình cắt |
| 9 | Bài 9: Bản vẽ chi tiết | 1 | Biết được các nội dung cùa bản vẽ chi tiết  Biết được cách đọc bản vẽ chi tiết đơn giản |
| 10 | ***Bài 10: Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt*** | 1 | Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản có hình cắt  Có tác phong làm việc theo quy trình |
| 11 | Bài 11: Biểu diễn ren | 1 | Nhận dạng được ren trên bản vẽ chi tiết  Biết được quy ước vẽ ren |
| 12 | ***Bài 12: Thực hành: Đọc bản vẽ chi tiết đơn giản có ren*** | 1 | Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản có ren  Có tác phong làm việc theo quy trình |
| 13 | Bài 13: Bản vẽ lắp | 1 | Biết được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp  Biết được cách đọc bản vẽ lắp đơn giản |
| 14 | ***Bài 14: Thực hành: Đọc bản vẽ lắp đơn giản***  ***Không dạy*** | 1 | Đọc được bản vẽ lắp đơn giản  Ham thích tìm hiểu bản vẽ cơ khí |
| 15 | Bài 15: Bản vẽ nhà | 1 | Biết được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà  Biết được một số kí hiệu bằng hình vẽ của một số bộ phận dùng trên bản vẽ nhà  Biết cách đọc bản vẽ nhà đơn giản |
| 16 | ***Bài 16: Thực hành: Đọc bản vẽ lắp đơn giản***  ***Không dạy*** | 1 | Đọc được bản vẽ nhà đơn giản  Ham thích tìm hiểu bản vẽ xây dựng |
| 17 | **Ôn tập phần vẽ kỹ thuật** | 1 | Hệ thống hóa và hiểu được một số kiến thức cơ bản về bản vẽ hình chiếu các khối hình học  Biết được cách đọc bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp và bản vẽ nhà. |
| 18 | **Kiểm tra 1 tiết chương I, II** | 1 | Đề bài, giấy kiểmm tra |
| 19 | Bài 17: Vai trò của cơ khí trong sản xuất và đời sống | 1 | Hiểu được vai trò quan trọng của cơ khí trong sản xuất và đời sống  Biết được sự đa dạng của sản phẩm cơ khí và quy trình tạo ra sản phẩm cơ khí |
| 20 | Bài 18 + 19: Vật liệu cơ khí  ***Khi dạy mục 1,2 GV lấy ví dụ về các loại vật liệu kim loại, vật liệu phi kim loại minh họa.***  Thực hành: Vật liệu cơ khí  ***Không dạy*** | 2 | Biết cách phân loại, nhận biết các vật liệu cơ khí phổ biến  Biết được tinh chất cơ bản của vật liệu cơ kí  Biết phương pháp đơn giản để thử cơ tính của vật liệu cơ kí |
| 21 | Bài 20: Dụng cụ cơ khí  Không dạy thước cập | 1 | Biết được hình dáng, cấu tạo và vật liệu chế tạo các dụng cụ cầm tay đơn giản được sử dụng trong ngành cơ khí  Biết được công dụng và cách sử dụng một số dụng cụ cơ khí phổ biến. |
| 22 | Bài 21, 22: Cưa, Dũa kim loại  ***Không dạy đục, khoan***  ***Bài 23: Thực hành: Đo kích thước bằng thước lá, thước cập***  ***Không dạy*** | 1 | Hiểu được ứng dụng của phương pháp cưa, đục, dũa và khoan  Biết các thao tác cơ bản về cưa, đục, dũa, khoan kim loại  Biết được quy tắc an toàn trong quá trình gia công |
| 23 | Bài 24: Khái niệm về chi tiết máy và lắp ghép  *GV thay hình 24.3 bằng hình khác* | 1 | Hiểu được khái niệm và phân loại chi tiết máy  Biết được các kiểu lắp ghép của chi tiết máy |
| 24 | Bài 25: Mối ghép cố định – Mối ghép không tháo được | 1 | Hiểu được khái niệm, phân loại mối ghép cố định  Biết được cấu tạo, đặc điểm và ứng dụng của một số mối ghép không tháo được thường gặp |
| 25 | Bài 26: Mối ghép tháo được | 1 | Biết được cấu tạo, đặc điểm và ứng dụng của một số mối ghép tháo được thường gặp |
| 26 | Bài 27: Mối ghép động  ***Bài 28: Thực hành: Ghép nối chi tiết***  ***Không dạy*** | 1 | Hiểu được khái niệm về mối ghép động  Hiểu được cấu tạo, đặc điểm và ứng dụng của các mối ghép động |
| 27 | Bài 29: Truyền chuyển động | 1 | Hiểu được tại sao cần phải truyền chuyển động  Biết được cấu tạo, nguyên lí làm việc và ứng dụng của một số cơ cấu truyền chuyển động |
| 28 | Bài 30: Biến đổi chuyển động  ***2.*** Biến đổi chuyển động quay thành chuyển động lắc: hướng dẫn HS tự học | 1 | Hiểu được cấu tạo, nguyên lí hoạt động và ứng dụng của một số cơ cấu biến đổi chuyển động thường dùng |
| 29 | ***Bài 31: Thực hành: Truyền chuyển động***  ***Bỏ phần 3. Cấu tạo và nguyên lý làm việc của động cơ 4 kỳ.*** | 1 | Hiểu được cấu tạo, nguyên lí làm việc của một số bộ truyền và biến đổi chuyển động.  Tháo lắp được và kiểm tra tỉ số truyền của các bộ truyền động  Có tác phong làm việc đúng quy trình |
| 30 | ***Thực hành kiểm tra*** | 1 | Hệ thống hóa các kiến thức đã học ở phần cơ khí |
| 31 | Bài 32: Vai trò của điện năng trong sản xuất và đời sống | 1 | Biết được quá trình sản xuất và truyền tải điện năng  Hiểu được vai trò của điện năng tong sản xuất và đời sống |
| 32 | Bài 33: An toàn điện | 1 | Hiểu được nguyên nhân gây tai nạn điện giật, sự nguy hiểm của dòng điện đối với cơ thể người  Biết được một số biện pháp an toàn điện trong sản xuất và đời sống |
| 33 | Bài 34: ***Thực hành: Dụng cụ bảo vệ an toàn điện*** | 1 | Hiểu được công dụng, cấu tạo của một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện  Sử dụng được một số dụng cụ bảo vệ an toàn điện  Có ý thức thực hiện các nguyên tắc an toàn điện trong khi sử dụng và sửa chữa điện. |
| 34 | Bài 35: ***Thực hành: Cứu người bị tai nạn điện***  ***Hướng dẫn HS tự học*** | 1 | Hướng dẫn hs biết cách tách nạn nhân ra khỏi nguồn điện  Sơ cứu được nạn nhân |
| 35 | Bài 36: Vật liệu kỹ thuật điện | 1 | Biết được loại vật kiệu nào la vật liệu dẫn điện, vật liệu cách điện, vật liệu dẫn từ  Hiểu được đặc tính và công dụng của mỗi loại vật liệu kĩ thuật điện |
| 36 | Bài 37: Phân loại và số liệu kỹ thuật của đồ dùng điện  Không dạy | 1 |  |
| 37 | Bài 38: Đồ dùng điện – Quang  Đèn sợi đốt | 1 | Hiểu được cấu tạo và nguyên lí làm việc của đèn sợi đốt  Hiểu được các đặc điểm của đèn sợi đốt |
| 38 | **Ôn tập** | 1 | Hệ thống các kiến thức đã học từ chương 1 đến chương 7 |
| 39 | **Kiểm tra học kỳ I** |  | Đề thi, giấy thi |
| 40 | Bài 39: Đèn huỳnh quang | 1 | Hiểu được cấu tạo và nguyên lí làm việc của đèn huỳnh quang  Hiểu được các đặc điểm, ưu điểm, nhược điểm của đèn huỳnh quang |
| 41 | ***Bài 40: Thực hành: đèn ống huỳnh quang*** | 1 | Biết được cấu tạo của đèn ống huỳnh quang, chấn lưu, tắc te  Hiểu được nguyên lí làm việc và cách sử dụng của đèn ống huỳnh quang  Có ý thức tuân thủ các quy định về an toàn điện |
| 42 | Bài 41: Đồ dùng điện – nhiệt. Bàn là điện | 1 | Hiểu được nguyên lí làm việc của đồ dùng loại điện – nhiệt  Hiểu được cấu tạo, nguyên lí làm việc và cách sử dụng bàn là điện |
| 43 | Bài 42: Bếp điện, Nồi cơm điện  HS tự đọc | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 44 | Bài 43: ***Thực hành: bàn là điện***  ***Không dạy*** | 1 |  |
| 45 | Bài 44: Đồ dùng điện loại điện – cơ. Quạt điện  Không dạy III. Máy bơm nước | 1 | Biết được cấu tạo, nguyên lí làm việc và cách sử dụng của động cơ điện một pha |
| 46 | Bài 45: ***Thực hành: Quạt điện***  ***HS tự đọc*** | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 47 | Bài 46: Máy biến áp 1 pha  Không dạy 2. Nguyên lý làm việc | 1 | Hiểu được cấu tạo, nguyên lí làm việc của máy biến áp một pha  Hiểu được chức nặng và cách sử dụng máy biến áp một pha |
| 48 | Bài 47: ***Thực hành:*** Máy biến áp 1 pha  Không dạy | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 49 | Bài 48: Sử dụng hợp lý điện năng | 1 | Biết sử dụng điện năng một cách hợp lí  Có ý thức tiết kiệm điện năng |
| 50 | Bài 49: ***Thực hành: Tính toán điện năng tiêu thụ trong gia đình*** | 1 | Tính toán được tiêu thụ điện năng trong gia đình |
| 51 | **Kiểm tra thực hành** | 1 | Hệ thống các kiến thức đã học từ chương 6 đến chương 7 |
| 52 | Bài 50: Đặc điểm và cấu tạo của mạng điện trong nhà | 1 | Biết được đặc điểm của mạng điện trong gia đình  Biết được cấu tạo, chức năng một số phần tử của mạng điện trong nhà |
| 53 | Bài 51: Thiết bị đóng – cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà | 1 | Hiểu được công dụng, cấu tạo, nguyên lí làm việc của một số thiết bị đóng – cắt và lấy điện của mạng điện trong nhà |
| 54 | Bài 52: ***Thực hành: Thiết bị đóng – cắt và lấy điện***  ***Không dạy*** | 1 |  |
| 55 | Bài 53: Thiết bị bảo vệ của mạng điện trong nhà | 1 | Hiểu được công dụng, cấu tạo của cầu chì và aptomat  Hiểu được nguyên lí làm việc, vị trí lắp đặt của những thiết bị nêu trên trong mạch điện |
| 56 | Bài 54: ***Thực hành: CẦU CHÌ*** | 1 | Làm được thực hành về cầu chì  Mô tả được nguyên lí làm việc và vị trí lắp đặt của cầu chì trong mạch điện |
| 57 | Bài 55: Sơ đồ điện | 1 | Hiểu được khái niệm sơ đồ điện, sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạch điện  Đọc được một số sơ đồ mạch điện cơ bản của mạch điện trong nhà |
| 58 | Bài 56: ***Thực hành: Vẽ sơ đồ nguyên lý mạch điện***  ***HS TỰ ĐỌC*** | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 59 | Bài 57: ***Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện***  ***Không dạy*** | 1 |  |
| 60 | Bài 58: Thiết kế mạch điện  ***HS TỰ ĐỌC*** | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 61 | Bài 59: ***Thực hành: Thiết kế mạch điện***  ***HS tự học*** | 1 | Hướng dẫn hs đọc và tìm hiểu bài |
| 62 | **ÔN TẬP** | 1 | Hệ thống các kiến thức đã học từ chương 7 đến chương 8 |
| 63 | **Kiểm tra học kỳ 2** | 1 |  |

**Môn công nghệ 9**

**Cả năm: 35 Tiết**

**Trong đó: Học kỳ 1: 18 tuần (18 tiết), Học kỳ 2: 17 tuần (17 tiết)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 | Giới thiệu nghề điện dân dụng | 1 | Biết được vị trí, vai trò của nghề điện  Biết được một số thông tin cơ bản về nghề điện dân dụng  Biết được một số biện pháp an toàn lao động trong nghề điện dân dụng |
| 2 | Vật liệu điện dùng trong lắp đặt, mạng điện trong nhà | 1 | Biết được một số vật liệu điện thường dùng trong lắp đặt mạng điện  Biết được cách sử dụng một số vật liệu điện thông dụng |
| 3 | Dụng cụ dùng trong lắp đặt mạng điện | 1 | Biết được công dụng, phân loại của một số đồng hồ đo điện  Biết công dụng của một số dụng cụ cơ khí dùng trong lắp đặt mạng điện |
| 4 | Sử dụng đồng hồ đo điện | 3 | Đo được điện năng tiêu thụ của mạch điện bằng công tơ điện  Đảm bảo an toàn điện |
| 5 | Nối dây dẫn điện | 3 | Hiểu được một số phương pháp nối dây dẫn điện  Nối được một số mối nối dây dẫn điện |
| 6 | Lắp mạch điện bảng điện | 3 | Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện bảng điện  Hiểu được quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện  Lắp được mạch điện gồm 2 cầu chì, 1 ổ điện, 1 công tắc điều khiển 1 đèn đúng yêu cầu và kỹ thuật  Đảm bảo an toàn điện |
| 7 | Lắp mạch điện đèn ống huỳnh quang | 2 | Hiểu nguyên lí của mạch điện đèn ống huỳnh quang  Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang  Lắp đặt mạch điện đèn ống huỳnh quang đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật  Đảm bảo an toàn điện |
| 8 | Lắp mạch điện 2 công tắc hai cực điều khiển hai đèn | 3 | Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển 2 đèn  Lắp đặt được mạch đèn đúng quy trình, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật  Đảm bảo an toàn điện |
| 9 | Lắp mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn | 3 | Hiểu nguyên lí làm việc của mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn (mạch đèn cầu thang)  Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch đèn cầu thang  Lắp đặt mạch đèn cầu thang  Đảm bảo an toàn điện |
| 10 | Lắp mạch điện một công tắc ba cực điều khiển 2 đèn | 3 | Hiểu nguyên lí làm việc của mạch điện một công tắc ba cực điều khiển 2 đèn  Vẽ được sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển 2 đèn  Lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển 2 đèn  Đảm bảo an toàn điện |
| 11 | Lắp đặt dây dẫn của mạng điện trong nhà | 2 | Biết được một số phương pháp lắp đặt dây dẫn điện của mạng điện trong nhà |
| 12 | Kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà | 1 | Hiểu sự cần thiết phải kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà  Hiểu được cách kiểm tra an toàn mạng điện trong nhà  Kiểm tra được một số yêu cầu về an toàn điện mạng điện trong nhà |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

**Môn công nghệ 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 01/11/2021 - 06/11/2021 | - Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; nhận biết và kể một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  - Nêu và thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. | Tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 03/01/2022-08/01/2022 | - Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong ngôi nhà.  - Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh  - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  - Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.  - Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.  - Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.  - Hình thành thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh. | Tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 14/3/2022-18/3/2022 | - Nêu một số ưu, nhược điểm của một số loại vải thông dụng.  - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống.  - Nêu được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 02/5/2022-07/5/2022 | - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện  - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình. | Tự luận. |

**Môn công nghệ 7.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phut | 01/11/2021 - 06/11/2021 | - Nêu được các bước trong quy trình trồng trọt.  - Trình bày được mục đích, yêu cầu kĩ thuật của các bước trong quy trình trồng trọt.  - Vận dụng kiến thức trong thực tế sản xuất. | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 03/01/2022-08/01/2022 | - Trình bày nguyên tắc phòng, trừ sâu, bệnh hại cây trồng.  -Phân biệt sâu, bệnh gây hại qua dấu hiệu biểu hiện trên cây trồng.  -Đề xuất biện pháp bảo vệ cây trồng, đồng thời bảo vệ môi trường sống.  -Đề xuất biện pháp bảo vệ cây trồng, đồng thời bảo vệ môi trường sống.  -Trình bày được vai trò, triển vọng của chăn nuôi. | Tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 14/3/2022-18/3/2022 | - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi.  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 02/5/2022-07/5/2022 | - Nêu được một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam.  - Trình bày được vai trò của thuỷ sản; nhận biết được một số thuỷ sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.  -Có ý thức bảo vệ môi trường nuôi thuỷ sản và nguồn lợi thuỷ sản. | Tự luận. |

**Môn công nghệ 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 01/11/2021 - 06/11/2021 | Nêu được vai trò của BVKT trong đời sống, sản xuất  - Khái niệm hình chiếu  - Nhận biết các hình chiếu  Đọc được các phép chiếu trên hình hộp chữ nhật | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 03/01/2022-08/01/2022 | Nêu khái niệm các phép chiếu  Đọc được các phép chiếu trên hình hộp chữ nhật  Xác định được các kích thước trên các hình khối đa diện | Tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 14/3/2022-18/3/2022 | Nhận dạng được các vật liệu cơ khí trong đời sống  **-** Hiểu được các kiểu lắp ghép của chi tiết máy | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 02/5/2022-07/5/2022 | Nêu được tầm quan trọng của truyền chuyển động trong sản xuất, đời sống  Áp dụng công thức tính tỉ số truyền để tính ra được tốc độ của truyền chuyển động | Tự luận. |

**Môn Công nghệ 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | 01/11/2021 - 06/11/2021 | Liệt kê được các đối tượng lao động của nghề điện dân dụng  - Xác định các yêu cầu của nghề điện dân dụng với người lao động | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | 03/01/2022-08/01/2022 | Mô tả nội dung lao động của nghề điện  **-** Mô tả các điều kiện làm việc, môi trường làm việc cảu nghề điện dân dụng | Tự luận. |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | 14/3/2022-18/3/2022 | Kể tên cấu tạo các phần của dây dẫn điện, dây cáp điện  - Kể tên các vật liệu cách điện | Tự luận. |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | 02/5/2022-07/5/2022 | * Sử dụng dụng cụ cơ khí khi lắp đặt mạng điện. * Thực hiện nối dây công tơ. * Đo được điện trở bằng đồng hồ đo vạn năng.   Đo được điện năng tiêu thụ của mạng điện. | Tự luận. |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**3. Tổ chức dạy học qua internet**

*(Thực hiện ở phần phụ lục đính kèm các kế hoạch giáo dục của nhóm bộ môn)*

- Giáo viên tổ thực hiện dạy học trên internet bằng phần mềm zoom, google meet, trong việc thực hiện khảo sát thông tin, kiểm tra đánh giá học sinh.

- Nhóm bộ môn sẽ sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học mỗi tuần 1 lần vào ngày thứ 5 hàng tuần, nêu những thuận lợi, khó khăn, chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy trực tuyến và đưa ra những giải pháp để thực hiện công việc có hiệu quả hơn

**III. Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của nhóm chuyên môn:**

Tham quan ngoại khóa cùng với kế hoạch của nhà trường ( nếu có)

**IV. Các nội dung khác:**

**1. Triển khai văn bản 4363/GDĐT-GDTrH về xây dựng, sử dụng kho học liệu số:**

**-** Triển khai văn bản đến giáo viên trong họp đầu năm học của tổ bộ môn.

**-** Xây dựng kho bài giảng powerpoint các môn công nghệ 6,7,8,9.

**-** Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra giữa kì và cuối kì nhất là ngân hàng đề để dạy học qua internet.

- Xây dựng kho hình ảnh hỗ trợ dạy học.

**2. Bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu:** (Tùy theo tình hình diễn biến dịch bệnh và thời gian thực hiện giản cách xã hội của thành phố).

- Đầu năm học chọn học sinh giỏi môn công nghệ ở khối lớp 7, 8, 9 cấp trường. Trên cơ sở đó thành lập đội tuyển tổ chức bồi dưỡng tham gia dự thi khéo tay kỹ thuật cấp Thành phố Thủ Đức.

- Yêu cầu giáo viên lập danh sách học sinh yếu kém sau khi kiểm tra giữa kì, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh ngay trong tiết dạy.

**3. Tham gia cuộc thi, hội thi**

**-**  Phân công cho giáo viên bồi dưỡng học sinh tham gia thi khéo tay kỹ thuật cấp Tp Thủ Đức môn Công nghệ.

Cô Đỗ Thị Kim Oanh bồi dưỡng học sinh khối 8, 9( môn vẽ kỹ thuật)

Cô Trang Thị Ngọc Ánh bồi dưỡng môn công nghệ 6,7,8( Môn nấu ăn, kết hạt, làm thiệp, gói quà, …)

**4. Câu lạc bộ học thuật**

**-** Xây dựng kế hoạch hoạt động của Câu lạc bộ Em yêu khoa học – Cô Đỗ Thị Kim Oanh.

- GVCN khuyến khích học sinh tham gia các câu lạc bộ của trường.

**5. Hướng dẫn nghiên cứu khoa học**

Tham gia hội thi nhằm động viên, khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển của Thành phố Thủ Đức (nếu có điều kiện).

**6. Nội dung khác:**

**-** Triển khai các văn bản mới đến giáo viên:

+ Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 Quy định về đánh giá học sinh Trung học cơ sở và học sinh Trung học phổ thông;

+ Thông tư 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**-** Tập huấn đổi mới sách giáo khoa k6.

**-** Dự giờ, sinh hoạt trao đổi chuyên môn trong giảng dạy Công nghệ 6; trong dạy lớp 7,8, 9 theo định hướng của chương trình 2018.

- Thực hiện 1 chuyên đề và 1 tiết thực tập sư phạm trong phạm vi nhóm.

**7**. **Hoạt động trải nghiệm:**

Theo kế hoạch của nhà trường

**8. Giáo dục địa phương.**

**V. Chỉ tiêu phấn đấu**

**1.** **Học sinh:**

+ Tỷ lệ Học lực Khá giỏi: 70%.

+ Tỷ lệ Hạnh kiểm Khá tốt: 99%.

+ Tỷ lệ lên lớp thẳng: 100%

+ Tỷ lệ lên lớp cuối năm: >98% (GVCN Cô Bình, cô Trang Ánh)

+ Tỷ lệ tốt nghiệp THCS: 100%

+ Số lượng học sinh giỏi các cấp môn Công nghệ: cấp quận (9 hs), cấp thành phố (2 hs).

+ Tỷ lệ lưu ban, bỏ học: Không

**2. Giáo viên:**

+ 100% giáo viên thực hiện tốt quy chế chuyên môn;

+ 100% giáo viên xây dựng phương pháp dạy học tích cực, hiệu quả;

+ 100% giáo viên thực hiện đúng chương trình; kiểm tra đánh giá đúng quy định, khách quan, công khai;

+ 100% giáo viên tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia đủ các cuộc họp chuyên môn của trường, PGD tổ chức; chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ 100% tự kiểm tra chuyên môn của trường và xếp loại khá, giỏi;

+ Giáo viên giỏi cấp trường: 03 GV.

+ Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 02;

+ 03/03 GV đạt lao động tiên tiến.

+ Danh hiệu thi đua: nhóm lao động xuất sắc;

+ Chất lượng chuyên môn học sinh trên trung bình:

\* Môn Công nghê: Khối 6 - 90%; Khối 7,8,9 - 95% học sinh trên trung bình

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2021 – 2022 của nhóm Công nghệ

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *An Phú , ngày 01 tháng 9 năm 2021*  **Nhóm trưởng**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

Nguyễn Thị Thanh Bình

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-0)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-1)